

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ NGỌC VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ NGỌC VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGOC VIET SERVICE AND PRODUCE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NGOC VIET SERPRO CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108273242

**3. Ngày thành lập:** 15/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8, ngách 35, ngõ 167 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                                            | 1101     |
| 2.  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                  | 1104     |
| 3.  | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp                                                                                  | 2021     |
| 4.  | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                                     | 2825     |
| 5.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                      | 1050     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                   | 4653     |
| 7.  | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                            | 1080     |
| 8.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ                               | 4781     |
| 9.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh<br>- Trồng các loại nấm hoặc thu nhặt nấm hương, nấm truffle.<br>- Trồng các loại nấm dược liệu và nấm ăn | 0118     |
| 10. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                            | 1062     |
| 11. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                  | 1020     |
| 12. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                          | 1010     |
| 13. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                             | 1030     |
| 14. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>- Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                         | 1079     |
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                           | 4723     |
| 16. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                          | 0163     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                | 0161        |
| 18. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                                         | 2012        |
| 19. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                    | 4620        |
| 20. | Bán buôn thực phẩm<br>- Bán buôn chè<br>- Bán buôn nấm các loại                                                                                                                                                                                             | 4632(Chính) |
| 21. | Bán buôn đồ uống<br>- Bán buôn đồ uống có cồn<br>- Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                                                                                                                            | 4633        |
| 22. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>- Bán buôn hóa chất, chế phẩm trong lĩnh vực bảo quản, chế biến và phân tích, kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm; | 4669        |
| 23. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ nấm các loại                                                                                                                        | 4722        |
| 24. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                     | 5630        |
| 25. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                                                                                                                                                                          | 7210        |
| 26. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                | 7490        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                 | 8299        |
| 28. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Bán buôn máy móc, thiết bị trong lĩnh vực bảo quản, chế biến và phân tích, kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm;                                                                                       | 4659        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN HỒNG THAO   | Số 8, ngách 35, ngõ 167 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.200.000.000         | 48,000    | 011666360                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN TẤT THẮNG | Đội 6, Thôn Nhân Hòa, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | 1.300.000.000         | 52,000    | 036074000139                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CAO THỊ THANH HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/08/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 026184001376

Ngày cấp: 08/03/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 6, Thôn Nhân Hòa, , Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Đội 6, Thôn Nhân Hòa, , Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội